

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2023/DS-PT

Ngày: 09 – 01 – 2023

V/v tranh chấp “Đòi quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Kiều Anh

Các Thẩm phán:

Bà Nguyễn Lệ Kiều

Ông Trương Thanh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Đào – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Bà Huỳnh Thị Hồng Thu - Kiểm sát viên.

Ngày 09 tháng 01 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 161/2022/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2022 về việc tranh chấp “Đòi quyền sử dụng đất”

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 90/2022/DS-ST ngày 28 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 141/2022/QĐ-PT ngày 22 tháng 11 năm 2022, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Phạm Văn Y, sinh năm 1955

Địa chỉ: Ấp 12, xã PTTB, huyện PL, tỉnh BL.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Phạm Văn Y: Chị Thạch Thị Huỳnh M, sinh năm 1991. Địa chỉ: Số 03, đường Nguyễn Thị Minh Kh, Phường 3, thành phố ST, tỉnh ST (Có mặt).

- Bị đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1974 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp 12, xã PTTB, huyện PL, tỉnh BL.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Thị T, sinh năm 1958. Địa chỉ: Ấp 12, xã PTTB, huyện PL, tỉnh BL (Vắng mặt).

2. Anh Trương Tóc T (Vắng mặt)
3. Chị Trương Thị Hằng N (Vắng mặt)
4. Anh Lê Văn V (Vắng mặt)
5. Cháu Lê Thị Như Ý (Vắng mặt)

Cùng địa chỉ: Ấp 12, xã PTTB, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Lê Thị Như Ý: Chị Trương Thị Hằng N và anh Lê Văn V. Cùng địa chỉ: Ấp 12, xã PTTB, huyện PL, tỉnh BL (Vắng mặt).

- **Người kháng cáo:** Chị Thạch Thị Huỳnh M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Văn Y là chị Thạch Thị Huỳnh M trình bày: Nguồn gốc đất tranh chấp là của cha mẹ ông Phạm Văn Y là ông Phạm Văn K và bà Khu Thị M cho ông Y (không nhớ cho thời gian nào). Khi cha mẹ cho đất ông Y thì đất chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ai, sau khi cho ông Y, đến ngày 16/4/1998, Ủy ban nhân dân huyện HD đã cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm Văn Y đứng tên tại thửa đất số 0006, tờ bản đồ số 13 (Bản đồ 299), diện tích 2.900m², đất tại ấp 12, xã PTTB, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu, phần đất này là tài sản chung của vợ chồng ông Y. Ông Y sử dụng từ khi cha mẹ cho đến năm 1990 thì ông Y cho ông Trương Văn T (là cha chồng chị Nguyễn Thị L) mượn phần đất để ở ngang 08m x dài 45m (là phần đất ông Y đang yêu cầu), khi cho mượn chỉ nói miệng, không làm giấy tờ, không thỏa thuận thời hạn trả, chỉ nói khi nào ông Y cần thì trả lại. Lúc ông Y cho mượn là đất trống. Sau khi mượn, gia đình ông T sử dụng đến năm 2010 ông T chết thì phần đất do con ông T là anh Trương Văn T1 và chị Nguyễn Thị L sử dụng đất. Do lúc đó ông Y chưa có nhu cầu sử dụng đất nên để cho vợ chồng chị L tiếp tục sử dụng mà không đòi lại đất. Đến khoảng năm 2017, hai bên phát sinh mâu thuẫn, ông Y đòi lại đất nhưng chị L không đồng ý trả đất vì cho rằng đất là của gia đình chồng chị L không phải của ông Y, từ đó phát sinh tranh chấp. Ông Y xác định phần đất tranh nằm trong quyền sử dụng đất do ông đứng tên.

Tại đơn khởi kiện, ông Y yêu cầu chị L trả phần đất ngang 08m x dài 45m (360m²). Nay, ông Y thay đổi yêu cầu khởi kiện, yêu cầu chị L trả phần đất theo Mảnh trích đo địa chính ngày 24/6/2019 là phần đất trên lộ ngang giáp lộ 6,4m, ngang phía sau 5,6m, dài 38,1m, diện tích 231,15m² thuộc một phần thửa số 30, tờ bản đồ số 31 (Bản đồ 323) và phần đất dưới mé sông có chiều

ngang giáp lộ 6,4m, dài từ lộ xuống sông 9,5m, diện tích 60,8m² thuộc một phần thửa số 58, tờ bản đồ số 31 (Bản đồ 323), đất tại ấp 12, xã PTTB, huyện PL, tỉnh BL. Ngoài ra, ông Y không yêu cầu gì khác.

Bị đơn chị Nguyễn Thị L trình bày: Nguồn gốc đất là của cha chồng chị là ông Trương Văn T, vợ chồng chị sống chung với ông T đến năm 2009, ông T chết để lại cho vợ chồng chị được hưởng phần đất này. Phần đất này chồng chị đã đứng tên kê khai trên sổ mục kê. Đến năm 2014, chồng chị là anh Trương Văn T1 chết nên chị tiếp tục quản lý sử dụng phần đất này cho đến nay. Từ khi chị về sống chung năm 1996 đã thấy trên phần đất có các ngôi mộ của ông bà Nội chồng, chú chồng, anh chồng, cha chồng và sau này là chồng chị đều chôn trên phần đất này. Việc ông Y cho rằng cho cha chồng chị mượn đất là không đúng, phần đất này là của cha chồng chị để lại cho vợ chồng chị, không phải mượn đất của ông Y. Do đó, chị không đồng ý toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Y. Ngoài ra, chị L không còn yêu cầu nào khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị T trình bày: Bà thống nhất theo yêu cầu khởi kiện và lời trình bày của ông Y, không có ý kiến hay yêu cầu nào khác.

Các đương sự còn lại trong vụ án đã được Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến.

Từ nội dung trên, Bản án số 90/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu quyết định:

Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Y đối với chị Nguyễn Thị L yêu cầu trả phần đất trên lộ ngang giáp lộ 6,4m, ngang phía sau là 5,6m, chiều dài 38,1m, diện tích 231,15m² thuộc một phần thửa số 30, tờ bản đồ số 31 (Bản đồ 323) và phần đất dưới mé sông có chiều ngang giáp lộ 6,4m, dài từ lộ xuống sông 9,5m, diện tích 60,8m² thuộc một phần thửa số 58, tờ bản đồ số 31 (Bản đồ 323), đất tại ấp 12, xã PTTB, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

Ngoài ra, bản án còn tuyên án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định của pháp luật.

Ngày 12 tháng 10 năm 2022, chị Thạch Thị Huỳnh M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Phạm Văn Y kháng cáo yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện PL, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Y.

Tại phiên tòa phúc thẩm, chị Thạch Thị Huỳnh M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo và trình bày ý kiến tranh luận: Phần đất tranh chấp nằm trong quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện HD cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Phạm

Văn Y ngày 16/4/1998 tại thửa đất số 0006, tờ bản đồ số 13 (Bản đồ 299), diện tích 2.900m², đất tại ấp 12, xã PTTB, huyện PL, tỉnh BL. Đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Y.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Thông qua kiểm sát việc giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử vào phòng nghị án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn. Đề nghị: Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 90/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu toàn bộ các tài liệu chứng cứ có lưu trong hồ sơ vụ án vụ đã được thẩm tra tại phiên tòa, nghe ý kiến tranh luận của các đương sự và ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu, sau khi thảo luận, nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Đơn kháng cáo của nguyên đơn ông Phạm Văn Y gửi đến Tòa án thông qua dịch vụ bưu chính, ngày gửi 12/10/2022 là còn trong hạn luật định và đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử xem xét lại bản án dân sự sơ thẩm theo trình tự phúc thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn chị Nguyễn Thị L, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Huỳnh Thị T, chị Trương Thị Hằng N, anh Trương Tóc T, anh Lê Văn V đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt; xét thấy sự vắng mặt của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không vì sự kiện bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan, việc vắng mặt cũng không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự nêu trên là đúng quy định pháp luật.

[2] Về nội dung: Xét kháng cáo của ông Phạm Văn Y, yêu cầu cấp phúc thẩm xem xét sửa bản án sơ thẩm, chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Y, thấy rằng:

[2.1] Căn cứ vào Biên bản thẩm định tại chỗ ngày 13/11/2020 (Bút lục số 72) thể hiện chị Nguyễn Thị L ngăn cản, không đồng ý đo đạc thẩm định phần đất tranh chấp nên trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa sơ

thẩm và phúc thẩm chị Thạch Thị Huỳnh M là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn đồng ý lấy kết quả đo đạc theo Mảnh trích đo địa chính lập ngày 24/6/2019 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện PL, tỉnh BL (Bút lục số 90, 112) làm căn cứ giải quyết vụ án. Theo Mảnh trích đo địa chính lập ngày 24/6/2019 thể hiện phân đất tranh chấp ông Y yêu cầu chị L trả là phần đất trên lộ có diện tích 231,15m² thuộc một phần thửa số 30, tờ bản đồ số 31 (Bản đồ 323) và phần đất dưới mé sông có diện tích 60,8m², thuộc một phần thửa số 58, tờ bản đồ số 31 (Bản đồ 323), đất tại ấp 12, xã PTTB, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

[2.2] Về nguồn gốc đất tranh chấp: Theo ông Phạm Văn Y xác định là của cha mẹ ông Phạm Văn Y là ông Phạm Văn K và bà Khu Thị M cho ông Y (không nhớ cho thời gian nào). Ông Y sử dụng từ khi cha mẹ cho đến năm 1990 thì ông Y cho ông Trương Văn T (là cha chồng chị Nguyễn Thị L) mượn, khi cho mượn chỉ nói miệng, không làm giấy tờ, không thỏa thuận thời hạn trả, chỉ nói khi nào ông Y cần thì trả lại. Còn theo chị Nguyễn Thị L xác định: Nguồn gốc đất là của cha chồng chị là ông Trương Văn T, vợ chồng chị sống chung với ông T đến năm 2009, ông T chết để lại cho vợ chồng chị phần đất này, không phải mượn đất của ông Y.

[2.3] Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện, ông Y xác định phần đất ông Y yêu cầu chị L trả thuộc thửa đất số 0006, tờ bản đồ số 13 (Bản đồ 299), diện tích 2.900m², đất tại ấp 12, xã PTTB, huyện PL, tỉnh BL mà ông Y được Ủy ban nhân dân huyện HD cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất vào ngày 16/4/1998. Tuy nhiên, tại Công văn số 133/CV-CNVPTĐKĐĐ ngày 28/7/2021 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện PL, tỉnh BL (Bút lục số 125) xác định: Thửa đất số 30 bản đồ địa chính tên Phạm Văn T; thửa đất số 58 bản đồ địa chính không có tên; thửa đất số 29, tờ bản đồ số 31 (bản đồ 323) sổ địa chính tên Phạm Văn Y thuộc thửa đất số 0006, tờ bản đồ số 13 (Bản đồ 299) do Ủy ban nhân dân huyện HD cấp ngày 16/4/1998.

Như vậy, phần đất ông Y kiện đòi chị L giao trả thuộc thửa đất số 30 và thửa đất số 58, tờ bản đồ số 31 (Bản đồ 323) không thuộc thửa đất số 0006, tờ bản đồ số 13 (Bản đồ 299), diện tích 2.900m² (nay là thửa 29, tờ bản đồ 31) do ông Y đứng tên theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện HD cấp ngày 16/4/1998 cho ông Y. Ông Y cho rằng phần đất tranh chấp nằm trong quyền sử dụng đất của ông là không có căn cứ.

[2.4] Trong khi đó, chị L xác định phần đất tranh chấp do chồng chị Trương Văn T1 đăng ký kê khai đứng tên trên sổ mục kê đất đai. Tại Biên bản hòa giải tranh chấp đất đai ngày 04/10/2018 của Ủy ban nhân dân xã PTTB, huyện PL (Bút lục 202, 103) kết luận: *Theo quan điểm của Hội đồng hòa giải phần đất tranh chấp ông Y đòi lại là không có cơ sở. Hiện nay, phần đất này*

thể hiện trên sổ mục kê, bản đồ 323 do ông Trương Văn T1 đứng tên (thửa số 30, diện tích 771,1m²).

Mặt khác, tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 07/3/2019 ghi nhận phần đất tranh chấp chị L đang quản lý có các ngôi mộ của gia đình chị L là phù hợp với lời khai của chị L xác định các ngôi mộ của ông bà Nội chồng, chú chồng, anh chồng chị đều chôn trên phần đất này từ trước năm 1996 (khi chị về làm dâu), đến năm 2009 và năm 2014 cha chồng và chồng chị L chết cũng chôn trên phần đất tranh chấp này nhưng ông Y không có ý kiến hay ngăn cản.

[2.5] Xét lời trình bày của ông Y cho ông Trương Văn T (là cha chồng chị Nguyễn Thị L) mượn đất vào năm 1990. Tuy nhiên, khi ông Y cho mượn chỉ nói miệng, không làm giấy tờ, chị L không thừa nhận cha chồng có mượn đất của ông Y, mà đất là của cha chồng để lại cho vợ chồng chị quản lý, sử dụng. Trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, ông Y không cung cấp được tài liệu, chứng cứ nào khác chứng minh đất tranh chấp là của ông Y, cũng như không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh việc cho mượn đất. Nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Y yêu cầu chị L trả đất.

[3] Từ những phân tích nêu trên, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn Y, không có căn cứ chấp nhận ý kiến của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu đề nghị giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Các phần khác của bản án số 90/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Về án phí phúc thẩm: Do kháng cáo của ông Phạm Văn Y không được Tòa án chấp nhận nên ông Y phải chịu án phí. Tuy nhiên, ông Y là người cao tuổi và có đơn xin miễn án phí nên được miễn toàn bộ án phí phúc thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Không chấp nhận kháng cáo của ông Phạm Văn Y. Giữ nguyên bản án số 90/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

Căn cứ Điều 26, 35, 39, 40, 91, 147, 186, 227, 228, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 100, 166, 203 Luật Đất đai; Luật người cao tuổi; Điều 12, Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Văn Y đối với chị Nguyễn Thị L yêu cầu trả phần đất trên lộ ngang giáp lộ 6,4m, ngang phía sau là 5,6m, chiều dài 38,1m, diện tích 231,15m² thuộc một phần thửa đất số 30, tờ bản đồ số 31 (Bản đồ 323) và phần đất dưới mé sông có chiều ngang giáp lộ 6,4m, dài từ lộ xuống sông 9,5m, diện tích 60,8m² thuộc một phần thửa đất số 58, tờ bản đồ số 31 (Bản đồ 323), đất tại ấp 12, xã PTTB, huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

2. Về chi phí tố tụng: Buộc ông Phạm Văn Y phải chịu 600.000 đồng. Ông Phạm Văn Y đã nộp tạm ứng chi phí tố tụng số tiền 2.500.000 đồng theo phiếu thu số 101/2020/TB-TĐ ngày 21/10/2020, đã chi số tiền 600.000 đồng, ông Phạm Văn Y được nhận lại số tiền 1.900.000 đồng tại Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu.

3. Về án phí: Ông Phạm Văn Y được miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm và án phí dân sự phúc thẩm.

4. Các phần khác của bản án số 90/2022/DS-ST ngày 28/9/2022 của Tòa án nhân dân huyện PL, tỉnh Bạc Liêu không bị kháng cáo, kháng nghị đã phát sinh hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

6. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- TAND huyện PL;
- CCTHADS huyện PL;
- Đương sự;
- Lưu, Tổ HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**
(Đã ký tên và đóng dấu)

Huỳnh Thị Kiều Anh

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ TÒA THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN